HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2016/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 13 tháng 7 năm 2016*

SỞ TƯ PHÁP T.TUYÊN QUANG
Ngày 29-07-2016
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 2866

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTG ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Liên bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Liên bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT- BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Xét đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 28 /TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2016 về mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương; bê tông hóa đường giao thông nội đồng; xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương; bê tông hóa đường giao thông nội đồng; xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Các thôn, bản, tổ dân phố tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư thực hiện kiên cố hóa kênh mương; bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa; xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Thực hiện hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; bê tông hóa đường giao thông nội đồng cho các xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 có tỷ lệ đường trục chính nội đồng được bê tông hóa đạt dưới 50% và một số tuyến đường phục vụ cho vùng sản xuất hàng hóa chủ lực của tỉnh (Cam, Chè, Mía...); xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên cho các xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và một số xã, phường, thị trấn trên

địa bàn tỉnh; xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn cho các xã theo kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

b) Ưu tiên hỗ trợ cho các xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 và các thôn, bản, tổ dân phố tự nguyện hiến đất, giải phóng mặt bằng, tham gia đóng góp nguồn lực và trực tiếp thi công công trình theo phương châm "Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ".

c) Việc hỗ trợ vốn xây dựng công trình hạ tầng thực hiện theo kế hoạch hàng năm được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với từng danh mục cụ thể.

d) Mức hỗ trợ cho mỗi công trình được tính bằng vật liệu hoặc bằng tiền cho từng hạng mục công trình theo suất đầu tư được xác định trên cơ sở thiết kế mẫu, dự toán mẫu hoặc trên cơ sở thiết kế, dự toán công trình được duyệt và đã có mặt bằng thi công.

3. Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ:

3.1. Đối với kiên cố hóa kênh mương; bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa; xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên trên địa bàn tỉnh:

TT	Nội dung	Điều kiện hỗ trợ	Mức hỗ trợ
3.1.1	Kiên cố hóa kênh mương	Hỗ trợ đối với các tuyến kênh phục vụ tưới từ 02 ha trở lên.	Hỗ trợ 100% cấu kiện kênh bê tông thành mỏng đúc sẵn *(kênh Parabol cốt sợi thép phân tán mác 500)*, gối đỡ và chi phí vận chuyển, bốc xếp cấu kiện đến trung tâm xã, phường, thị trấn.
3.1.2	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa	Các xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 có tỷ lệ đường trục chính nội đồng được bê tông hóa đạt dưới 50% và một số tuyến đường phục vụ cho các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh (Cam, Chè, Mía...)	- Hỗ trợ 100% xi măng, ống cống *(nếu có)* và chi phí vận chuyển, bốc xếp đến chân công trình hoặc địa điểm thi công gần nhất ô tô vận chuyển đến được.
			- Kinh phí hỗ trợ cho công tác quản lý 02 triệu đồng/01 km đường.

TT	Nội dung	Điều kiện hỗ trợ	Mức hỗ trợ
3.1.3	Xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố hoặc liên thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên	a- Phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã; quy hoạch xây dựng của các phường, thị trấn. b- Quy mô diện tích mặt bằng để xây dựng: + Đối với thôn, bản ở xã đặc biệt khó khăn *(khó tạo được mặt bằng để xây dựng)*: Diện tích từ 300 m^2 trở lên. + Đối với thôn, bản ở xã còn lại: Diện tích từ 500 m^2 trở lên.	- Hỗ trợ xây dựng bằng cấu kiện đúc sẵn gồm: toàn bộ cột bê tông, vì kèo thép, xà gồ thép, tôn lợp, cửa đi, cửa sổ và chi phí vận chuyển, bốc xếp đến chân công trình hoặc địa điểm thi công gần nhất ô tô vận chuyển đến được *(với những nơi nhân dân có nhu cầu và điều kiện xây dựng nhà văn hóa theo kiểu nhà sàn để giữ bản sắc văn hóa, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thiết kế mẫu và hỗ trợ nguyên vật liệu, cấu kiện đúc sẵn, mức hỗ trợ tương đương với mức hỗ trợ nêu trên)*
		+ Đối với tổ dân phố: Diện tích từ 350 m^2 trở lên.	- Hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/công trình.

3.2. Đối với một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc các xã thực hiện theo Kế hoạch xây dựng nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020:

TT	Nội dung	Điều kiện hỗ trợ	Mức hỗ trợ
3.2.1	Bê tông hóa đường giao thông trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm	Các xã mục tiêu hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020: - Xã có tỷ lệ đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn dưới 50%. - Xã có tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa đạt chuẩn dưới 50%.	- Hỗ trợ 100% xi măng, ống cống *(nếu có)* và chi phí vận chuyển, bốc xếp đến địa điểm thi công gần nhất ô tô vận chuyển đến được. - Kinh phí sử dụng cho công tác quản lý 02 triệu đồng/01 km đường.
3.2.2	Nâng cấp, cải tạo chợ nông thôn	Xã có chợ theo quy hoạch mạng lưới chợ nông thôn được UBND cấp huyện phê duyệt; phù hợp với quy hoạch xây dựng NTM của xã đã được phê duyệt.	Hỗ trợ 50% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/chợ.

TT	Nội dung	Điều kiện hỗ trợ	Mức hỗ trợ
3.2.3	Xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch	Phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã đã được phê duyệt.	Hỗ trợ 200 triệu đồng/nghĩa trang để xây dựng cổng nghĩa trang, đường giao thông vào khu nghĩa trang và đường nội bộ trong nghĩa trang.

4. Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nông nghiệp và PTNT; Bộ Giao thông Vận tải; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng tin học - Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Chuyên viên VP HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).